

Số: 04 /2020/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chính sách tín dụng và mức vốn ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 2713/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 4669/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2020 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách tín dụng và mức vốn ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Chính sách hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư;
- 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư;
- 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.
- Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.
- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: 70% tổng mức đầu tư đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; 50% tổng mức đầu tư đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 30% tổng mức đầu tư đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

d) Phương thức hỗ trợ

- Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

- Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc, lãi) quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ không phải do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng tính từ thời điểm quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

2. Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất

Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh.

3. Mức vốn ngân sách thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp

a) Ngân sách tỉnh bố trí 5% vốn chi đầu tư phát triển hàng năm của ngân sách địa phương cho ngành nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục và mức vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp theo từng dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VI, nhiệm kỳ 2016 – 2021, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, Khánh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Thân